

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22817701] - Đồ án điều khiển tự
động (CCQ2215A)

CBGD:

Số SV có mặt: 37...

Số bài thi:37...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121150007	Vũ Hoài Bảo Ân	24/07/2003	CCQ2115A			7.5	7.2	7.2
2	2121150012	Bùi Long Bạch	16/11/2003	CCQ2115A			8.5	0.0	3.4
3	2122150078	Lương Văn Bình	24/10/2004	CCQ2215C			9.0	7.3	8.0
4	2122150002	Trương Thanh Bình	07/10/2003	CCQ2215A			8.8	8.3	8.5
5	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật Đăng	09/08/2004	CCQ2215A			8.8	7.8	8.2
6	2122150027	Lữ Phan Thành Đạt	12/02/2004	CCQ2215A			9.0	8.2	8.5
7	2122150049	Nguyễn Quốc Đạt	25/04/2004	CCQ2215C			7.3	6.8	7.0
8	2121150029	Trương Công Diên	02/12/2002	CCQ2115A			7.5	6.7	7.0
9	2122150068	Ngô Thanh Diệu	14/08/2004	CCQ2215C			7.3	0.0	2.9
10	2122150046	Nguyễn Văn Định	10/11/2004	CCQ2215C			9.3	8.8	9.0
11	2122150052	Trần Minh Dương	20/04/2004	CCQ2215C			9.0	7.3	8.0
12	2122150065	Nguyễn Ngọc Hải	28/12/2004	CCQ2215C			8.3	8.9	8.7
13	2122150024	Huỳnh Thanh Hào	02/03/2004	CCQ2215A			8.5	8.6	8.6
14	2121150004	Ngô Văn Hiệp	26/01/2003	CCQ2115A			9.0	8.5	8.7
15	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A			8.5	8.1	8.3
16	2122150057	Huỳnh Huy Hùng	17/08/2004	CCQ2215C			8.8	8.0	8.3
17	2122150032	Vì Tuấn Hùng	21/03/2004	CCQ2215A			9.0	8.6	8.8
18	2122150054	Đặng Quang Huy	08/04/2003	CCQ2215C			9.0	8.8	8.9
19	2121150011	Hoàng Đức Huy	09/05/2003	CCQ2115A			7.5	8.3	8.0
20	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A			9.5	9.3	9.4
21	2122150099	Phan Văn Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C			9.5	9.1	9.3
22	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A			8.3	8.3	8.3
23	2122150101	Nguyễn Minh Lý	28/12/2003	CCQ2215A			9.0	8.3	9.2
24	2122150011	Lê Quốc Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A			8.5	7.5	7.9
25	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B			9.0	8.6	8.8
26	2122150058	Đinh Hữu Ngô Quyền	28/09/2004	CCQ2215D			9.5	9.1	9.3
27	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B			9.5	9.2	9.3
28	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B			8.3	8.3	8.3

Học kỳ 2 (2023-2024)

Amu Lu Amu Lu
N/N Tugayin Dophyren N/N Tugayin Dophyren

CBGD:

Số tờ giấy thi:.....

Ngày in: 5/15/2024